

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGÀNH : KINH TẾ QUỐC TẾ

MÃ NGÀNH : 7310106

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 576 /QĐ-UEF ngày 29/7/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)*

I. THÔNG TIN CHUNG:

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo:

Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: **KINH TẾ QUỐC TẾ**
- Tên tiếng Anh: **INTERNATIONAL ECONOMICS**

Các chuyên ngành:

- Chuyên ngành 1. Đầu tư toàn cầu.
- Chuyên ngành 2. Phát triển và Hội nhập.

Trình độ đào tạo: Đại học.

Thời gian đào tạo: 4 năm.

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Cử nhân ngành Kinh tế quốc tế
- Tên tiếng Anh: Bachelor of International Economics

Hình thức đào tạo: Chính quy.

Bậc trình độ: Bậc 6 Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Khóa học áp dụng: 2025 - 2029.

1.2. Mục tiêu đào tạo:

a) Mục tiêu chung (Program Goals)

Đào tạo cử nhân ngành Kinh tế quốc tế theo định hướng nghề nghiệp, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe; có kiến thức chuyên sâu về kinh tế quốc tế thuộc lĩnh vực đầu tư toàn cầu, phát triển và hội nhập; có khả năng nghiên cứu và phân tích, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề kinh tế thuộc các lĩnh vực chuyên sâu về kinh tế quốc tế; Có khả năng nắm bắt vai trò và tác động của các yếu tố vĩ mô kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa; có khả năng tư duy độc lập, sáng tạo đáp ứng các yêu cầu thị trường lao động quốc tế, theo định hướng công dân toàn cầu; có trách nhiệm với xã hội, cộng đồng và có nền tảng kiến thức vững chắc để tiếp tục học tập và nghiên cứu ở bậc học cao hơn.

b) Mục tiêu cụ thể (Program Objectives – POs)

- PO1 (Kiến thức): Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên – xã hội, khoa học chính trị, pháp luật; kiến thức nền tảng và chuyên sâu về chuyên sâu về kinh tế quốc tế; am hiểu về tác động và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế; vai trò của các định chế quốc tế và tác động của các định chế này đến nền kinh tế Việt Nam và thế giới; am hiểu về văn hóa các quốc gia và địa lý kinh tế của các nước; vai trò của Chính phủ trong việc quản lý hoạt động kinh tế quốc tế; tổng quan về tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế và phát triển bền vữngmôn, nghiệp vụ kinh tế quốc tế như: quản trị công ty đa quốc gia, marketing toàn cầu, quản trị văn hóa đa quốc gia, vận tải và bảo hiểm ngoại thương, quản trị nhân sự, quản trị chiến lược toàn cầu, quản trị xuất nhập khẩu và thương mại điện tử; các kiến thức bổ trợ cần thiết để phục vụ yêu cầu công việc.

- PO2 (Kỹ năng): Trang bị, rèn luyện cho người học kỹ năng thực hành nghề nghiệp về hoạch định, tổ chức, quản lý các hoạt động liên quan đến kinh tế quốc tế; kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên dụng để nghiên cứu và phân tích các chỉ tiêu vĩ mô của nền kinh tế toàn cầu và khu vực; kỹ năng đàm phán quốc tế; kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề về kinh tế quốc tế trong thực tiễn.

- PO3 (Mức tự chủ và trách nhiệm): Hình thành và phát triển cho người học ý thức đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm cộng đồng; năng lực tư duy độc lập, tư duy phản biện, sáng tạo và phối hợp tập thể trong học tập, nghiên cứu và làm việc; khả năng thích nghi với môi trường làm việc đa văn hoá và ứng dụng khoa học công nghệ và định hướng công dân toàn cầu.

1.3. Tiêu chí tuyển sinh và các yêu cầu đầu vào:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện theo Quyết định số: 557/QĐ-UEF ngày 24/7/2025 về việc ban hành Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy, khóa 2025.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Khối lượng kiến thức:

Kiến thức toàn khóa học: 125 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

STT	Khối kiến thức	Khối lượng kiến thức			
		Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tỉ lệ %
1	Kiến thức giáo dục đại cương	41	41		32,8%
1.1	<i>Khoa học tự nhiên - xã hội</i>	6	6	-	
1.2	<i>Khoa học chính trị</i>	11	11	-	
1.3	<i>Pháp luật</i>	3	3	-	
1.4	<i>Tin học</i>	3	3	-	
1.5	<i>Ngoại ngữ (tiếng Anh)</i>	18	18	-	
2	Kiến thức cơ sở ngành	18	18	-	14,4%
3	Kiến thức chuyên ngành	45	30	15	36,0%
4	Kiến thức bổ trợ	12	6	6	9,6%
5	Thực tập thực tế	9	3	6	7,2%
6	Kiến thức không tích lũy				
6.1	<i>Giáo dục thể chất (3 tín chỉ)</i>			√	
6.2	<i>Giáo dục quốc phòng - an ninh (165 tiết)</i>		√		
	Tổng cộng	125	98 (78,4%)	27 (21,6%)	

2.2. Khung chương trình:

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
1. Kiến thức giáo dục đại cương						41							
1.1. Khoa học tự nhiên – xã hội						6							
1.1.1	STA1101	Xác suất thống kê	Probability and Statistics	BB		3	3						x
1.1.2	ECO1114	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	Research Methods in Economics Study	BB		3	3						x
1.2. Khoa học chính trị						11							
1.2.1	POL1111	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	BB		3	3						
1.2.2	POL1112	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economics	BB		2	2						
1.2.3	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	BB		2	2						
1.2.4	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	BB		2	2						
1.2.5	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	BB		2	2						
1.3. Pháp luật						3							
1.3.1	LAW1101	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	BB		3	3						x

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
1.4. Tin học						3							
1.4.1	ITE1292	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng	Informatics and Applied Artificial Intelligence	BB		3	2	1					x
1.5. Ngoại ngữ						18							
1.5.1	ENG3201	Tiếng Anh 1	English 1	BB		3	3						x
1.5.2	ENG3202	Tiếng Anh 2	English 2	BB		3	3						x
1.5.3	ENG3203	Tiếng Anh 3	English 3	BB		3	3						x
1.5.4	ENG3204	Tiếng Anh 4	English 4	BB		3	3						x
1.5.5	ENG3205	Tiếng Anh 5	English 5	BB		3	3						x
1.5.6	ENG3206	Tiếng Anh 6	English 6	BB		3	3						x
2. Kiến thức cơ sở ngành						18							
2.1	ECO1101	Kinh tế vi mô	Microeconomics	BB		3	3						
2.2	ECO1102	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	BB		3	3				ECO1101		
2.3	MGT1101E	Quản trị học	Principles of Management	BB	E	3	3						
2.4	MKT1101E	Marketing căn bản	Principles of Marketing	BB	E	3	3						
2.5	ACC1101	Nguyên lý kế toán	Principles of Accounting	BB		3	3				ECO1101		

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
2.6	ECO1116E	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế	English for Economics	BB	E	3	3						x
3. Kiến thức chuyên ngành						45							
3.1	ECO1103E	Kinh tế quốc tế	International Economics	BB	E	3	3				ECO1102		x
3.2	ECO1111	Kinh tế quốc tế nâng cao	Advanced International Economics	BB		3	3				ECO1103E		x
3.3	IBU1115E	Quản trị chiến lược toàn cầu	Global Strategic Management	BB	E	3	3						x
3.4	MGT1110E	Quản trị nguồn nhân lực	Human Resource Management	BB	E	3	3				MGT1101E		x
3.5	FIN1103E	Tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance	BB	E	3	3				ACC1101		x
3.6	IEC1104E	Kinh doanh trong môi trường toàn cầu	Global Dimension of Business	BB	E	3	3						x
3.7	ECO1104	Kinh tế lượng	Econometrics	BB		3	3						x
3.8	BUS1107E	Nghiệp vụ ngoại thương	Foreign Trade Operations	BB	E	3	3						x
3.9	ECO1108	Địa lý kinh tế thế giới	World Economics Geography	BB		3	3						x
3.10	ECO1109	Kinh tế công	Public Economies	BB		3	3				ECO1102		x

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
		<i>Sinh viên chọn 1 trong 2 chuyên ngành sau</i>											
Chuyên ngành 1.		Đầu tư toàn cầu	Global Investment										
3.11.1	FIN1108E	Thị trường tài chính	Capital Market	TC	E	3	3						x
3.12.1	IBU1101E	Đầu tư quốc tế	International Investment	TC	E	3	3						x
3.13.1	FIT1114	Tài chính số	Digital Finance	TC		3	3						x
3.14.1	FIN1114	Quản trị rủi ro tài chính	Financial Risk Management	TC		3	3				FIN1103E		x
3.15.1	FIN1140E	Quản trị danh mục đầu tư	Investment Portfolio Management	TC	E	3	3				FIN1103E, FIN1108E		x
Chuyên ngành 2.		Phát triển và Hội nhập	Development and Integration										
3.11.2	DMK1101	Công dân số	Digital Citizenship	TC		3	3						x
3.12.2	IEC1103E	Các định chế kinh tế quốc tế	International Economics Institutions	TC	E	3	3						x
3.13.2	IBU1108E	Quản trị đa văn hóa	Cross-cultural Management	TC	E	3	3						x
3.14.2	ECO1110E	Kinh tế phát triển	Development Economics	TC	E	3	3						x

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
3.15.2	ECO1115	Chuyển giao công nghệ và thương mại hóa	Technology Transfer and Commercialization	TC		3	3						x
4. Kiến thức bổ trợ						12							
4.1	SKI1107	Project design 1	Project Design 1	BB		3	3						
4.2	SKI1108	Project design 2	Project Design 2	BB		3	3				SKI1107		x
		Sinh viên chọn 2 trong các học phần sau											
4.3	ECO1113	Công dân toàn cầu	Global Citizenship	TC		3	3						
4.4	JPN1163	Đặc nhân tâm phong cách Nhật Bản	Japanese Concepts to Win Friends and Influence People	TC		3	3						
4.5	JPN1108	Đất nước học Nhật Bản	Country Studies of Japan	TC		3	3						
4.6	CHI1122	Đất nước học Trung Quốc	Country Studies of China	TC		3	3						
4.7	PSY1137	Giáo dục sức khỏe tinh thần	Mental Health Education	TC		3	3						
4.8	ENC1121	Giao tiếp liên văn hóa	Cross-cultural Communication	TC		3	3						
4.9	BUS1115	Khởi nghiệp	Entrepreneurship	TC		3	3						

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
4.10	LAW1195	Luật công bằng và tín thác	Equity and Trust Law	TC		3	3						
4.11	LAW1111	Luật thương mại	Commercial Law	TC		3	3						
4.12	LAW1116	Luật quốc tế	International Law	TC		3	3						
4.13	GPD1135	Nghệ thuật học cơ bản	The Basic of Arts	TC		3	3						
4.14	HRM1111	Nghệ thuật lãnh đạo	Arts of Leadership	TC		3	3						
4.15	HMM1137	Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân chuyên nghiệp	Professional Personal Branding	TC		3	3						
4.16	IRE1130	Nghiep vụ ngoại giao	Diplomatic Protocol	TC		3	3						
4.17	DAS1125	Nhập môn chuyển đổi số	Introduction to Digital Transformation	TC		3	3						
4.18	IRE1108	Những vấn đề toàn cầu	Global Issues	TC		3	3						
4.19	DAS1124	Phân tích dữ liệu ứng dụng	Applied Data Analytics	TC		3	3						
4.20	LAW1107	Pháp luật về doanh nghiệp	Enterprises Law	TC		3	3						
4.21	IRE1151	Phát triển bền vững	Sustainable Development	TC		3	3						
4.22	FIN1152	Quản lý tài chính cá nhân	Personal Financial Management	TC		3	3						

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
4.23	PSY1103	Tâm lý giao tiếp	Communication Psychology	TC		3	3						
4.24	ADS1101	Thuyết trình sáng tạo	Creative Presentation	TC		3	3						
4.25	DMK1114	Tư duy thẩm mỹ	Aesthetic Thinking	TC		3	3						
4.26	TOU1145	Văn hóa bàn tiệc và lễ tân khánh tiết	Diplomatic Reception and Table Art	TC		3	3						
4.27	SOS1108	Văn hóa các nước Đông Nam Á	Cultures of Southeast Asia Countries	TC		3	3						
4.28	KOR1147	Văn hóa truyền thống Hàn Quốc	Korean Traditional Culture	TC		3	3						
4.29	IRE1138	Văn minh nhân loại	Human Civilization	TC		3	3						
5. Thực tập thực tế						9							
5.1	IEC1301	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	BB		3				3			
		<i>Sinh viên chọn 1 trong 2 hình thức:</i>											
5.2	IEC1402	Chuyên đề tốt nghiệp	Graduation Project	TC		6			6				
5.3	IEC1403	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	TC		6			6				
6. Kiến thức không tích lũy						3							
6.1. Giáo dục thể chất (<i>sinh viên chọn 1 trong 5 nhóm sau</i>)						3							
		<i>Nhóm 1</i>											

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
6.1.1.1	GYM1311	Giáo dục thể chất - Aerobic 1	Physical Education 1 - Aerobic	TC		1		1					
6.1.2.1	GYM1312	Giáo dục thể chất - Aerobic 2	Physical Education 2 – Aerobic	TC		1		1					
6.1.3.1	GYM1313	Giáo dục thể chất - Aerobic 3	Physical Education 3 - Aerobic	TC		1		1					
		<i>Nhóm 2</i>											
6.1.1.2	GYM1321	Giáo dục thể chất - Vovinam 1	Physical Education 1 - Vovinam	TC		1		1					
6.1.2.2	GYM1322	Giáo dục thể chất - Vovinam 2	Physical Education 2 - Vovinam	TC		1		1					
6.1.3.2	GYM1323	Giáo dục thể chất - Vovinam 3	Physical Education 3 - Vovinam	TC		1		1					
		<i>Nhóm 3</i>											
6.1.1.3	GYM1331	Giáo dục thể chất - Boxing 1	Physical Education 1 - Boxing	TC		1		1					
6.1.2.3	GYM1332	Giáo dục thể chất - Boxing 2	Physical Education 2 – Boxing	TC		1		1					
6.1.3.3	GYM1333	Giáo dục thể chất - Boxing 3	Physical Education 3 - Boxing	TC		1		1					
		<i>Nhóm 4</i>											

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
6.1.1.4	GYM1341	Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 1	Physical Education 1 - Body-building	TC		1		1					
6.1.2.4	GYM1342	Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 2	Physical Education 2 - Body-building	TC		1		1					
6.1.3.4	GYM1343	Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 3	Physical Education 3 - Body-building	TC		1		1					
		<i>Nhóm 5</i>											
6.1.1.5	GYM1351	Giáo dục thể chất - Dancesport 1	Physical Education 1 - Dancesport	TC		1		1					
6.1.2.5	GYM1352	Giáo dục thể chất - Dancesport 2	Physical Education 2 – Dancesport	TC		1		1					
6.1.3.5	GYM1353	Giáo dục thể chất - Dancesport 3	Physical Education 2 - Dancesport	TC		1		1					
6.2. Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết)													
6.2.1	MIL1203	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Military Education	BB									

Ghi chú: BB: Bắt buộc; TC: Tự chọn; E: Học phần giảng dạy bằng Tiếng Anh; LT: Lý thuyết; TH: Thực hành; ĐA: Đồ án/ Khóa luận; TT: Thực tập, thực tế.

Học phần điều kiện (*): đánh dấu X - các học phần cốt lõi sinh viên phải học trước khi đăng ký Thực tập tốt nghiệp; Học phần Chuyên đề tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp đăng ký thực hiện song hành hoặc sau khi hoàn thành Thực tập tốt nghiệp.

2.3. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến):

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
Năm 1															
01	1A	ENG3201	Tiếng Anh 1	English 1	BB			3	45	45				135	TA
02	1A	ITE1292	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng	Informatics and Applied Artificial Intelligence	BB			3	60	30	30			180	CNTT
03	1B	ENG3202	Tiếng Anh 2	English 2	BB			3	45	45				135	TA
04	1B	ECO1101	Kinh tế vi mô	Microeconomics	BB			3	45	45				135	KT
05	1B	LAW1101	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	BB			3	45	45				135	LUAT
			Cộng (HK 1A+1B)					15							
06	2A	ENG3203	Tiếng Anh 3	English 3	BB			3	45	45				135	TA
07	2A	ECO1102	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	BB	ECO1101		3	45	45				135	KT
08	2A	STA1101	Xác suất thống kê	Probability and Statistics	BB			3	45	45				135	CNTT
09	2B	ENG3204	Tiếng Anh 4	English 4	BB			3	45	45				135	TA
10	2B	SKI1107	Project design 1	Project Design 1	BB			3	45	45				135	PD
11	2B	ECO1104	Kinh tế lượng	Econometrics	BB			3	45	45				135	KT
			Cộng (HK 2A+2B)					18							

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
Năm 2															
01	1A	ENG3205	Tiếng Anh 5	English 5	BB			3	45	45				135	TA
02	1A	SKI1108	Project design 2	Project Design 2	BB	SKI1107		3	45	45				135	PD
03	1A	GYM1311/ GYM1321/ GYM1331/ GYM1341/ GYM1351	Giáo dục thể chất - Aerobic 1/ Giáo dục thể chất - Vovinam 1/ Giáo dục thể chất - Boxing 1/ Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 1/ Giáo dục thể chất - DanceSport 1	Physical Education 1 - Aerobic Physical Education 1 - Vovinam Physical Education 1 - Boxing Physical Education 1 - Body-building Physical Education 1 - DanceSport	TC			1	30		30			90	LL-TC
04	1B	ENG3206	Tiếng Anh 6	English 6	BB			3	45	45				135	TA
05	1B	ECO1114	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	Research Methods in Economics Study	BB			3	45	45				135	KT
06	1B	ECO1116E	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế	English for Economics	BB		E	3	45	45				135	KT
07	1B	GYM1312/ GYM1322/ GYM1332/ GYM1342/ GYM1352	Giáo dục thể chất - Aerobic 2/ Giáo dục thể chất - Vovinam 2/ Giáo dục thể chất -	Physical Education 2 - Aerobic Physical Education 2 - Vovinam Physical Education	TC			1	30		30			90	LL-TC

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
			Boxing 2/ Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 2/ Giáo dục thể chất - DanceSport 2	2 - Boxing Physical Education 2 - Body-building Physical Education 2 - DanceSport											
			Cộng (HK 1A+1B)					17							
08	2A	MKT1101E	Marketing căn bản	Principles of Marketing	BB		E	3	45	45				135	MAR
09	2A	ACC1101	Nguyên lý kế toán	Principles of Accounting	BB	ECO1101		3	45	45				135	TCKT
10	2A	GYM1313/ GYM1323/ GYM1333/ GYM1343/ GYM1353	Giáo dục thể chất - Aerobic 3/ Giáo dục thể chất - Vovinam 3/ Giáo dục thể chất - Boxing 3/ Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 3 Giáo dục thể chất - DanceSport 3	Physical Education 3 - Aerobic Physical Education 3 - Vovinam Physical Education 3 - Boxing Physical Education 3 - Body-building Physical Education 3 - DanceSport	TC			1	30		30			90	LL-TC
11	2B	ECO1108	Địa lý kinh tế thế giới	World Economics Geography	BB			3	45	45				135	KT
12	2B	MGT1101E	Quản trị học	Principles of Management	BB		E	3	45	45				135	QTKD

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
13	2B	ECO1109	Kinh tế công	Public Economies	BB	ECO1102		3	45	45				135	KT
			Cộng (HK 2A+2B)					16							
		MIL1203	Giáo dục quốc phòng - an ninh	Military Education					165						PĐT
Năm 3															
01	1A	POL1111	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	BB			3	45	45				135	LL-TC
02	1A	IEC1104E	Kinh doanh trong môi trường toàn cầu	Global Dimension of Business	BB		E	3	45	45				135	KT
03	1A	ECO1103E	Kinh tế quốc tế	International Economics	BB	ECO1102	E	3	45	45				135	KT
04	1B	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	BB			2	30	30				90	LL-TC
05	1B	MGT1110E	Quản trị nguồn nhân lực	Human Resource Management	BB	MGT1101E	E	3	45	45				135	QTKD
06	1B	IBU1115E	Quản trị chiến lược toàn cầu	Global Strategic Management	BB		E	3	45	45				135	KT
			Cộng (HK 1A+1B)					17							
07	2A	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	BB			2	30	30				90	LL-TC

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
08	2A	FIN1103E	Tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance	BB	ACC1101	E	3	45	45				135	TCKT
09	2A	ECO1111	Kinh tế quốc tế nâng cao	Advanced International Economics	BB	ECO1103E		3	45	45				135	KT
10	2B	POL1112	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economics	BB			2	30	30				90	LL-TC
11	2B	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	BB			2	30	30				90	LL-TC
12	2B		Học phần tự chọn 1		TC			3	45	45				135	
13	2B	BUS1107E	Nghiệp vụ ngoại thương	Foreign Trade Operations	BB		E	3	45	45				135	KT
			Cộng (HK 2A+2B)					18							
Năm 4															
01	1A		Học phần tự chọn 2		TC			3	45	45				135	
		Chuyên ngành	<i>Đầu tư toàn cầu</i>	<i>Global Investment</i>											
02	1A	FIN1108E	Thị trường tài chính	Capital Market	TC		E	3	45	45				135	TCKT

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
03	1A	IBU1101E	Đầu tư quốc tế	International Investment	TC		E	3	45	45				135	KT
		Chuyên ngành	<i>Phát triển và Hội nhập</i>	<i>Development and Integration</i>											
02	1A	DMK1101	Công dân số	Digital Citizenship	TC		E	3	45	45				135	MAR
03	1A	IEC1103E	Các định chế kinh tế quốc tế	International Economics Institutions	TC		E	3	45	45				135	KT
		Chuyên ngành	<i>Đầu tư toàn cầu</i>	<i>Global Investment</i>											
04	1B	FIT1114	Tài chính số	Digital Finance	TC			3	45	45				135	TCKT
05	1B	FIN1114	Quản trị rủi ro tài chính	Financial Risk Management	TC	FIN1103E		3	45	45				135	TCKT
06	1B	FIN1140E	Quản trị danh mục đầu tư	Investment Portfolio Management	TC	FIN1103E, FIN1108E	E	3	45	45				135	TCKT
		Chuyên ngành	<i>Phát triển và Hội nhập</i>	<i>Development and Integration</i>											
04	1B	IBU1108E	Quản trị đa văn hóa	Cross-cultural Management	TC		E	3	45	45				135	KT

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
05	1B	ECO1110E	Kinh tế phát triển	Development Economics	TC		E	3	45	45				135	KT
06	1B	ECO1115	Chuyển giao công nghệ và thương mại hóa	Technology Transfer and Commercialization	TC			3	45	45				135	KT
			Cộng (HK 1A+1B)					18							
07	2A	IEC1301	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	BB			3					X		KT
			Sinh viên chọn 1 trong 2 hình thức:												
08	2A	IEC1402	Chuyên đề tốt nghiệp	Graduation Project	TC			6				X			KT
08	2A	IEC1403	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	TC			6				X			KT
			Cộng (HK 2A)					9							

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - KHÓA 2025

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ				Giáo dục đại cương		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức chuyên ngành		Kiến thức bổ trợ		Thực tập thực tế		Kiến thức không tích lũy	
Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4									
HK 1A	HK 2A	HK 1A	HK 2A	HK 1A	HK 2A	HK 1A	HK 2A	HK 1A	HK 2A						
								Môn tự chọn 2 (3tc)							
	Xác suất thống kê STA1101 (3tc)		(E) Marketing căn bản MKT1101E (3tc)	(E) Kinh tế quốc tế ECO1103E (3tc)	Kinh tế quốc tế nâng cao ECO1111 (3tc)			(E) Thị trường tài chính FIN1108E (3tc)							
Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng ITE1292 (3tc)	Kinh tế vi mô ECO1102 (3tc)	Project design 2 SKI1108 (3tc)	Nguyên lý kế toán ACC1101 (3tc)	(E) Kinh doanh trong môi trường toàn cầu IEC1104E (3tc)	(E) Tài chính doanh nghiệp FIN1103E (3tc)			(E) Đầu tư quốc tế IBU1101E (3tc)							
Tiếng Anh 1 ENG3201 (3tc)	Tiếng Anh 3 ENG3203 (3tc)	Tiếng Anh 5 ENG3205 (3tc)	Giáo dục thể chất 2 (1tc)	Triết học Mác-Lênin POL1111 (3tc)	Chủ nghĩa xã hội khoa học POL1113 (2tc)			Đầu tư toàn cầu							
								(E) Các định chế kinh tế quốc tế IEC1103E (3tc)						Thực tập tốt nghiệp IEC1301 (3tc)	
								Công dân số DMK1101 (3tc)						Chuyên đề/ Khóa luận tốt nghiệp IEC1402/3 (6tc)	
								Phát triển và hội nhập							
HK 1B	HK 2B	HK 1B	HK 2B	HK 1B	HK 2B	HK 1B	HK 2B	HK 1B	HK 2B						
Tiếng Anh 2 ENG3202 (3tc)	Tiếng Anh 4 ENG3204 (3tc)	Tiếng Anh 6 ENG3206 (3tc)	Kinh tế công ECO1109 (3tc)	Tư tưởng Hồ Chí Minh POL1114 (2tc)	Kinh tế chính trị Mác-Lênin POL1112 (2tc)			(E) Quản trị danh mục đầu tư FIN1140E (3tc)							
Kinh tế vi mô ECO1101 (3tc)	Kinh tế lượng ECO1104 (3tc)	(E) Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế ECO1116E (3tc)	(E) Quản trị học MGT1101E (3tc)	(E) Quản trị nguồn nhân lực MGT1110E (3tc)	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam POL1115 (2tc)			Tài chính số FIT1114 (3tc)							
Pháp luật đại cương LAW1101 (3tc)	Project design 1 SKI1107 (3tc)	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế ECO1114 (3tc)	Địa lý kinh tế thế giới ECO1108 (3tc)	(E) Quản trị chiến lược toàn cầu IBU1115E (3tc)	(E) Nghiệp vụ ngoại thương BUS1107E (3tc)			Quản trị rủi ro tài chính FIN1114 (3tc)							
		Giáo dục thể chất 1 (1tc)	Giáo dục thể chất 3 (1tc)		Môn tự chọn 1 (3tc)			Đầu tư toàn cầu							
			Giáo dục quốc phòng MIL1203					Chuyên giao công nghệ và thương mại hóa ECO1115 (3tc)							
								(E) Quản trị đa văn hóa IBU1108E (3tc)							
								(E) Kinh tế phát triển ECO1110E (3tc)							
								Phát triển và hội nhập							
Kỹ hiệu sử dụng															
Tên môn học		Thông tin về môn học													
Mã môn (số tín chỉ)		Môn học giảng bằng tiếng Anh													
(E)															

2.4. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
1. Kiến thức giáo dục đại cương				
1.1.1	STA1101	Xác suất thống kê	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về xác suất cơ bản và các nguyên lý thống kê. Nội dung của học phần bao gồm: biến cố ngẫu nhiên, xác suất của một biến cố; biến ngẫu nhiên, luật phân phối xác suất; biến ngẫu nhiên nhiều chiều; mẫu và các đặc trưng mẫu; ước lượng tham số; kiểm định giả thuyết thống kê; lý thuyết tương quan và phương trình hồi quy tuyến tính đơn.
1.1.2	IEC1104	Phương pháp nghiên cứu trong Kinh tế	3	Học phần cung cấp và nâng cao khả năng nghiên cứu cho sinh viên chuyên ngành kinh tế, cụ thể là tăng cường khả năng hiểu biết của sinh viên về bản chất của quá trình nghiên cứu, các bước nghiên cứu, cách thức xử lý số liệu và cách thức viết báo cáo nghiên cứu. Đây là môn học chuyên sâu cung cấp kiến thức, kỹ năng về nghiên cứu kinh tế trên nền tảng phương pháp luận nghiên cứu khoa học giúp sinh viên có khả năng vận dụng vào việc học tập các môn chuyên ngành và làm công việc chuyên môn tốt hơn. Sinh viên sẽ được triển khai làm các nghiên cứu độc lập trong các chủ đề thuộc khối ngành kinh tế, quản trị KDQT, kinh tế quốc tế, kinh tế học về di dân-kiểu hồi, chuyên ngành logistics – quản trị chuỗi cung ứng, kinh tế số, kinh tế xanh, phát triển bền vững. Sinh viên được trao dồi kỹ năng nhận dạng vấn đề, viết một đề cương nghiên cứu; vai trò của đề cương nghiên cứu; thu thập thông tin, xử lý thông tin; phân tích dữ liệu trong nghiên cứu định tính và định lượng; chuẩn bị số liệu cho phân tích; các bước phân tích số liệu để giải quyết vấn đề trong môi trường kinh doanh quốc tế, kinh tế học hiện đại. Sinh viên được rèn luyện khả năng tư duy và các kỹ năng nghiên cứu độc lập và làm việc khoa học trong bối cảnh hội nhập quốc tế.
1.2.1	POL1111	Triết học Mác-Lênin	3	Học phần cung cấp cho người học kiến thức khoa học nền tảng về Triết học Mác –Lênin; Nâng cao năng lực tư duy nhận thức khoa học, tư duy phản biện khoa học về thế giới khách quan, bao gồm: Chương 1- trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2- trình bày những nội dung cơ bản

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vật đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3- trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.
1.2.2	POL1112	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về Kinh tế chính trị Mác-Lênin, nhằm nâng cao năng lực tư duy và nhận thức khoa học về thế giới khách quan và các học thuyết kinh tế. Sinh viên sẽ hiểu và áp dụng kiến thức này trong việc phân tích, xử lý, và đánh giá vấn đề khoa học lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực đào tạo của họ. Chương trình bao gồm 6 chương, trong đó chương 1 tập trung vào đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin. Các chương tiếp theo đề cập đến các vấn đề cốt lõi như hàng hóa, thị trường, vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh, độc quyền, kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, và cách mạng công nghiệp cũng như hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam.
1.2.3	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm 7 chương: Trong đó, chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học). Từ chương 2 đến chương 7 trình bày nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học.
1.2.4	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần cung cấp cho người học kiến thức tư duy nhận thức khoa học hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; Hiểu được các quan điểm tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân; về văn hóa, đạo đức cách mạng và con người mới. Người học biết vận dụng vào quá trình

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				tự rèn luyện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong thời đại mới.
1.2.5	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Học phần cung cấp cho người học về kiến thức vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, ngoài chương nhập môn gồm 05 bài, cụ thể: Bài 1. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Bài 2. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Bài 3. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Bài 4. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018); Bài 5. Kết luận.
1.3.1	LAW1101	Pháp luật đại cương	3	Học phần nghiên cứu hiện tượng Nhà nước và Pháp luật theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lenin. Học phần giải quyết những vấn đề chung nhất về Nhà nước và Pháp luật: nguồn gốc, bản chất, các kiểu và chức năng của Nhà nước và Pháp luật. Ngoài ra học phần còn nghiên cứu các nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước, hình thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước.
1.4.1	ITE1292	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng	3	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng về tin học văn phòng: soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, thiết kế bài thuyết trình chuyên nghiệp và ứng dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) phổ biến hỗ trợ học tập, nghiên cứu và làm việc hiệu quả. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức: Khái niệm cơ bản về Tin học và AI; Sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản Word; Sử dụng phần mềm bảng tính Excel; Trình bày báo cáo bằng phần mềm trình chiếu Powerpoint; Ứng dụng AI trong xử lý văn bản và bảng tính; Ứng dụng AI trong thiết kế thuyết trình; Tìm kiếm thông tin học thuật với AI; Sử dụng AI hỗ trợ viết báo cáo, luận văn.
1.5.1	ENG3201	Tiếng Anh 1	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				tương đương cấp độ A2-B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tư duy biện luận và năng lực học tập suốt đời. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.
1.5.2	ENG3202	Tiếng Anh 2	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc tương đương cấp độ A2-B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tư duy biện luận và năng lực học tập suốt đời. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.
1.5.3	ENG3203	Tiếng Anh 3	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc tương đương cấp độ A2-B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tư duy biện luận và năng lực học tập suốt đời. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
1.5.4	ENG3204	Tiếng Anh 4	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc gần tương đương cấp độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, lập luận khoa học. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.
1.5.5	ENG3205	Tiếng Anh 5	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc gần tương đương cấp độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, lập luận khoa học. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.
1.5.6	ENG3206	Tiếng Anh 6	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc gần tương đương cấp độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Phát triển các chiến lược làm bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (VSTEP). Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, lập luận khoa học. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.
2. Kiến thức cơ sở ngành				
2.1	ECO1101	Kinh tế vi mô	3	Học phần giới thiệu về kinh tế vi mô với các nguyên lý cơ bản trong kinh tế học, nghiên cứu hành vi của các chủ thể trong bất kỳ một nền kinh tế nào cũng đều có như: người tiêu dùng và doanh nghiệp trong các loại thị trường khác nhau; đồng thời giới thiệu một số chính sách của chính phủ trong nền kinh tế. Việc thảo luận, phân tích các chủ đề liên quan đến bài học chủ yếu dựa trên một số vấn đề của nền kinh tế Việt Nam.
2.2	ECO1102	Kinh tế vĩ mô	3	Học phần giới thiệu bức tranh tổng quát về nền kinh tế của một quốc gia; nội dung và ý nghĩa của các biến số kinh tế nâng cao của cả nền kinh tế; những vấn đề kinh tế vĩ mô cơ bản như lạm phát, thất nghiệp, tăng trưởng kinh tế, và một số vấn đề khác có liên quan. Tiếp theo, học phần sẽ tập trung nghiên cứu các mô hình kinh tế vĩ mô căn bản nhằm phân tích tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách kinh tế đối ngoại. Thông qua nội dung chi tiết của những mô hình này, người học sẽ tích lũy thêm nhiều kiến thức và hiểu thêm nhiều khía cạnh có liên quan đến sự hoạt động của nền kinh tế.
2.3	MGT1101E	Quản trị học	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị, các chức năng cơ bản của quản trị bao gồm hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm soát – cung cấp một cái nhìn tổng quát về các hoạt động quản trị, giúp sinh viên có nền tảng cho việc ra quyết định. Đây là học phần cung cấp kiến thức ngành làm nền tảng để sinh viên có thể học các môn học chuyên ngành, đồng thời, rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn cần thiết để có thể tham gia thị trường lao động khỏi ngành kinh tế - quản trị nói chung và các ngành khác nói riêng.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
2.4	MKT1101E	Marketing căn bản	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng của tiếp thị trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing. Nắm được kiến thức môn học sinh viên có thể phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường, phân tích các đặc tính và hành vi của khách hàng. Môn học còn giúp cho người học nắm bắt được 4 phối thức trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chiến lược marketing hỗn hợp (Marketing Mix): chiến lược phát triển sản phẩm (Product), chiến lược định giá sản phẩm (Price), chiến lược phân phối (Place), chiến lược chiêu thị (Promotion). Trong quá trình học, sinh viên sẽ trao đổi và thảo luận, đồng thời giải quyết vấn đề theo tình huống.
2.5	ACC1101	Nguyên lý kế toán	3	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về kế toán, từ đó giúp người học có cơ sở tiếp tục nghiên cứu những nội dung chuyên sâu về chuyên ngành kế toán. Cụ thể như nghiên cứu về: đối tượng kế toán, vai trò và chức năng của kế toán, các phương pháp kế toán - phương pháp chứng từ, kiểm kê, tài khoản, ghi sổ, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán. Ngoài ra học phần giúp người học hiểu về tổ chức công tác kế toán, các hình thức kế toán, hệ thống báo cáo tài chính.
2.6	ECO1116E	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong các hoạt động kinh tế. Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể phân biệt các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành kinh tế và thực hành các kỹ năng quan trọng như kỹ năng xây dựng mạng lưới mối quan hệ cho công việc, kỹ năng tổ chức cuộc họp, kỹ năng đàm phán, kỹ năng nghiên cứu bản mô tả công việc, kỹ năng viết CV và thư xin việc, kỹ năng quản lý email cá nhân, kỹ năng viết trong kinh doanh và kỹ năng thuyết trình.
3. Kiến thức chuyên ngành				

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
3.1	ECO1103E	Kinh tế quốc tế	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản có tính chất nền tảng, giúp người học có cơ sở tiếp tục nghiên cứu những nội dung chuyên sâu về chuyên ngành kinh doanh quốc tế - ngoại thương. Cụ thể như: nguyên nhân vì sao phát sinh mâu dịch giữa các quốc gia, các lý thuyết thương mại cổ điển và hiện đại, biết được mô thức thương mại quốc tế thường được áp dụng như thế nào và lợi ích từ mâu dịch của các mô hình đó ra sao; biết được các chính sách thương mại quốc tế mà các quốc gia thường áp dụng nhằm ngăn cản mâu dịch tự do cũng như các tác hại của những chính sách nêu trên đối với lợi ích kinh tế quốc gia; Hiểu rõ các xu hướng phát triển chính của thương mại quốc tế ngày nay, lợi ích của sự di chuyển các nguồn lực giữa các quốc gia, đồng thời nhận thức được lợi ích của vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế và liên hệ với trường hợp Việt Nam.
3.2	ECO1111	Kinh tế quốc tế nâng cao	3	Học phần nhằm trang bị những kiến thức để sinh viên hiểu rõ hơn bản chất của các lý thuyết mâu dịch quốc tế đã học ở giai đoạn trước; Mở rộng hơn những nghiên cứu về thuế quan và các hình thức liên kết KTQT; Nghiên cứu mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với mâu dịch quốc tế, mâu dịch quốc tế ở các nước đang phát triển, sự di chuyển nguồn lực quốc tế và một số vấn đề về tài chính quốc tế. Nội dung cơ bản của học phần bao gồm mở rộng các lý thuyết mâu dịch quốc tế đã học và bổ sung các lý thuyết mới; tăng trưởng kinh tế và mâu dịch quốc tế; mâu dịch quốc tế và phát triển kinh tế; mở rộng nghiên cứu về thuế quan và liên hiệp quan thuế; Sự di chuyển nguồn lực quốc tế và tài chính quốc tế. Bên cạnh việc xem xét bằng định lượng các vấn đề dựa vào lý thuyết của kinh tế học, Kinh tế quốc tế nâng cao còn hướng sinh viên vào một số đề tài nghiên cứu mang tính chất định tính và thực tế. Những đề tài này có thể thay đổi tùy theo thời gian, tức là những vấn đề KTQT nổi trội trong năm.
3.3	IBU1115E	Quản trị chiến lược toàn cầu	3	Học phần giúp sinh viên hiểu được động lực thúc đẩy toàn cầu hóa tập hợp các khía cạnh quản lý chiến lược toàn cầu ở các công ty toàn cầu. Đồng thời cung cấp kiến thức và kỹ năng quản lý chiến lược thực tế cho sinh viên phải đối mặt với việc

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				toàn cầu hóa của doanh nghiệp, đối phó với những vấn đề quản lý toàn cầu.
3.4	MGT1110E	Quản trị nguồn nhân lực	3	Học phần giới thiệu các chức năng quản trị nhân sự nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cần thiết để quản lý con người trong doanh nghiệp hiệu quả, bao gồm bốn lĩnh vực chủ yếu: hoạch định nguồn nhân lực, thu hút và tuyển chọn, đào tạo và phát triển, và duy trì – quản lý. Bên cạnh đó, sinh viên được trau dồi các kỹ năng quản lý như phân tích công việc, đánh giá kết quả làm việc, phỏng vấn ứng viên... Hoàn tất môn học, sinh viên sẽ có đủ khả năng dự đoán và giải quyết các vấn đề liên quan đến sử dụng nguồn nhân lực trong một tổ chức.
3.5	FIN1103E	Tài chính doanh nghiệp	3	Học phần cung cấp những kiến thức tài chính doanh nghiệp căn bản cho sinh viên, giúp sinh viên hiểu được các quyết định tài chính cơ bản trong 1 doanh nghiệp: quyết định đầu tư, quyết định tài trợ, quyết định cổ tức, quyết định quản lý vốn luân chuyển. Học phần sẽ bao gồm những chủ đề về: Bản chất của quản trị tài chính doanh nghiệp, Định giá cổ phần thường, Hoạch định dòng tiền, Các tiêu chuẩn hoạch định ngân sách vốn đầu tư; Cấu chi phí sử dụng vốn, Phân tích tài chính, Quản trị tài sản ngắn hạn.
3.6	IEC1104E	Kinh doanh trong môi trường toàn cầu	3	Học phần trình bày xu hướng toàn cầu hoá; hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực; đầu tư quốc tế hiện nay. Học phần giới thiệu những nguyên tắc cơ bản trong việc triển khai hoạt động xuất, nhập khẩu; quản trị sản xuất và chuỗi cung ứng; quản trị nhân sự; quản trị tài chính; đàm phán và hợp tác trong hoạt động kinh doanh quốc tế.
3.7	ECO1104	Kinh tế lượng	3	Học phần giới thiệu cách thức xây dựng mô hình biểu diễn mối quan hệ giữa các chỉ tiêu kinh tế; tìm hiểu ý nghĩa của các hệ số hồi quy; ước lượng, kiểm định độ tin cậy và tính bền vững của mô hình; khắc phục hậu quả nếu mô hình vi phạm các giả thiết.
3.8	BUS1107E	Nghiệp vụ ngoại thương	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng có gắn với thực tế về nghiệp vụ ngoại thương. Sau khi học môn này sinh viên sẽ: Hiểu rõ và có thể vận dụng hiệu quả các điều kiện thương mại quốc tế Incoterms khi tham gia mậu

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				dịch quốc tế. Hiểu rõ và nắm vững cách soạn thảo các điều khoản chính yếu của một hợp đồng ngoại thương để có thể tham gia mậu dịch quốc tế hiệu quả và giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp.
3.9	ECO1108	Địa lý kinh tế thế giới	3	Học phần giới thiệu cho người học hiểu về hệ thống lãnh thổ kinh tế - xã hội thế giới; mối quan hệ tương tác chủ yếu trong và giữa các quốc gia phát triển và đang phát triển trên thế giới trong thời kỳ hiện đại như những đặc điểm phát triển kinh tế nổi bật của các khu vực trên thế giới, những biến động chính trị, xã hội tác động đến kinh tế của từng khu vực trong bối cảnh toàn cầu hóa. Môn học cũng sử dụng biện pháp minh họa bằng bản đồ kinh tế - chính trị - xã hội và những thay đổi đáng kể gần đây đối với từng khu vực trong nền kinh tế thế giới.
3.10	ECO1109	Kinh tế công	3	Học phần giúp tìm hiểu về tính hiệu quả của thị trường, khu vực công và vai trò của nó trong nền kinh tế; Cơ sở kinh tế của chính phủ về hàng hoá công cộng; chi tiêu công cộng của chính phủ, các chính sách chi tiêu công cộng của chính phủ; Cơ sở kinh tế và các chính sách điều tiết của chính phủ khi xuất hiện các yếu tố ngoại vi; Cơ sở kinh tế của các hoạt động sản xuất công cộng và bộ máy hành chính. Tìm hiểu cụ thể các chương trình chi tiêu của chính phủ trong khu vực công cộng: Giáo dục, y tế, an sinh xã hội...; Các lý thuyết căn bản về thuế; Sự tác động của thuế trong thị trường; Hệ quả kinh tế của thuế; Các nguyên lý đánh thuế.
3.11.1	FIN1108E	Thị trường tài chính	3	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về thị trường tài chính, bao gồm cấu trúc, chức năng và hoạt động của thị trường tài chính. Bên cạnh đó, người học cũng được tìm hiểu về thị trường tài chính Việt Nam để có cái nhìn toàn diện hơn. Học phần tập trung vào thị trường cổ phiếu, thị trường nợ, thị trường ngoại hối và thị trường phái sinh.
3.12.1	IBU1101E	Đầu tư quốc tế	3	Học phần trang bị cho người học kiến thức căn bản về thị trường ngoại hối, định giá tài sản, thị trường vốn và công cụ vốn, các kỹ thuật đầu tư trên thị trường vốn, đầu tư trái phiếu quốc tế và các công cụ đầu tư thay thế khác. Hoàn thành học

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				phần sinh viên có thể thực hiện các nghiệp vụ cơ bản đầu tư trên thị trường ngoại hối, thị trường vốn và thị trường trái phiếu quốc tế, hiểu và nắm rõ công cụ đầu tư để có thể làm việc trong khâu đầu tư quốc tế tại các công ty chứng khoán, tổ chức tài chính hay ngân hàng quốc tế.
3.13.1	FIT1114	Tài chính số	3	H5c phần giới thiệu cho sinh viên về sự phát triển của các ứng dụng tài chính số và tác động của tài chính số đến đời sống hiện nay. Học phần cũng trình bày những lợi ích, những rủi ro và khung pháp lý liên quan đến việc ứng dụng tài chính số trong hoạt động thực tế. Học phần cũng phân tích các bài học tình huống thực tế liên quan đến tài chính số ở các quốc gia phát triển và các quốc gia đang phát triển.
3.14.1	FIN1114	Quản trị rủi ro tài chính	3	Học phần trang bị cho người học các kiến thức về các loại rủi ro, nguồn gốc phát sinh rủi ro, tầm quan trọng, lợi ích của quản trị rủi ro và thực hành quản trị rủi ro tài chính. Học phần sẽ cung cấp cho người học các công cụ định tính và định lượng để đo lường rủi ro, đánh giá các tác động của rủi ro tài chính để đưa ra các chiến lược kiểm soát, phòng ngừa và điều chỉnh các loại rủi ro tài chính một cách có hiệu quả.
3.15.1	FIN1140E	Quản trị danh mục đầu tư	3	Học phần cung cấp những kiến thức kiến thức lý thuyết và thực hành về quản trị danh mục đầu tư. Những nội dung cơ bản bao gồm: lợi nhuận rủi ro của danh mục đầu tư, mô hình Markowitz, các mô hình định giá tài sản, lý thuyết thị trường hiệu quả (EMH), các phương pháp xây dựng và quản lý danh mục đầu tư, cụ thể như quy trình xây dựng danh mục đầu tư, các chiến lược quản lý danh mục đầu tư, phương pháp quản lý danh mục đầu tư cổ phiếu, phương pháp quản lý danh mục đầu tư trái phiếu, đánh giá hiệu quả hoạt động của một danh mục đầu tư, những vấn đề cần lưu ý trong xây dựng danh mục đầu tư của các nhà đầu tư khác nhau như: nhà đầu tư cá nhân, công ty bảo hiểm, ngân hàng, quỹ đầu tư....
3.11.2	DMK1101	Công dân số	3	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng, và tư duy khi trở thành thành viên, công dân của thế giới kết nối toàn cầu qua mạng Internet. Được tìm hiểu về các nội dung: being online - trở

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				thành thành viên của thể giới số và tận dụng cơ hội; well-being online - cư xử đúng mực và văn minh trên cộng đồng mạng; và safety online - bảo vệ bản thân trước những rủi ro và tác hại tiêu cực của môi trường số.
3.12.2	IEC1103E	Các định chế kinh tế quốc tế	3	Học phần giúp sinh viên có kiến thức tổng quan về các định chế quốc tế, lịch sử hình thành và phát triển, vai trò của các tổ chức này đối với nền kinh tế thế giới. Học phần cũng giúp sinh viên hiểu rõ một số tổ chức quan trọng như Liên Hiệp Quốc (UN), Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ chức Thương mại Quốc tế (WTO), các định chế kinh tế quốc tế khu vực như Liên minh Châu Âu (EU), Liên minh Châu Phi (AU), ASEAN, APEC, ASEM...; tìm hiểu về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức trước những tác động của nền kinh tế thế giới. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên các tình huống điển hình về những thành tựu và những thách thức mà các tổ chức này đang đối mặt như vấn đề môi trường, khủng hoảng kinh tế toàn cầu, quyền sở hữu trí tuệ, thương mại...
3.13.2	IBU1108E	Quản trị đa văn hóa	3	Học phần được thiết kế nhằm nâng cao kiến thức thực tế việc quản trị đa văn hóa tại các doanh nghiệp tham gia vào kinh tế quốc tế hiện nay. Qua đó người học học hỏi được kinh nghiệm làm việc, tổ chức và quản lý trong môi trường kinh doanh đa văn hóa, từ đó góp phần vào thành công của người học trong cuộc sống cũng như trong công việc. Học phần giới thiệu cho người học các lý thuyết nền tảng và các cách làm việc, đàm phán đa văn hóa phục vụ trong môi trường làm việc quốc tế - đa văn hóa của thế kỷ 21. Người học sẽ có được những kiến thức chuyên môn chi tiết trong việc đối phó với nhiều tình huống, thách thức và mô hình văn hóa, từ đó hình thành các kỹ năng thực tế hữu ích cho sự phát triển cá nhân và nghề nghiệp ở cấp độ quốc tế.
3.14.2	ECO1110E	Kinh tế phát triển	3	Học phần nhằm tìm hiểu bản chất, nội dung của tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế; mối quan hệ giữa tăng trưởng với phân phối thu nhập và giảm nghèo; phân tích những tác động của các yếu tố đầu vào như lao động, vốn và tài nguyên thiên nhiên đến tăng trưởng kinh tế cả ở mặt lý

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				thuyết lần thực tiễn. Học phần sẽ giới thiệu cho học viên các lý thuyết tăng trưởng và phát triển kinh tế để có thảo luận về những thay đổi về mặt kinh tế xã hội ở các nước. Các hệ quả của các mô hình phát triển sẽ được phân tích, so sánh; từ đó, có thể rút ra các mặt tích cực cũng như các đe dọa phát sinh từ quá trình phát triển cho các nước đang phát triển, đặc biệt là Việt Nam.
3.15.2	ECO1115	Chuyển giao công nghệ và thương mại hóa	3	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về (1) các hoạt động chuyển giao công nghệ và hoạt động thương mại hóa sở hữu trí tuệ; (2) các bước của quy trình chuyển giao công nghệ và các yếu tố quan trọng tác động đến quy trình chuyển giao công nghệ; (3) các cơ hội công nghệ ban đầu dưới dạng những phát minh trong phòng thí nghiệm thành những đổi mới thành công sẵn có trong thị trường.
4. Kiến thức bổ trợ				
4.1	SKI1107	Project design 1	3	Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về tư duy thiết kế dự án theo quy trình logic, khoa học. Trong quy trình này người học sẽ chủ động khám phá và xác định các vấn đề cần giải quyết. Bằng cách phân tích các vấn đề thực tế trong xã hội dựa trên cơ sở dữ liệu, người học sẽ nắm bắt được các kỹ thuật cần thiết để đưa ra phương án giải quyết mới có tính đổi mới, sáng tạo. Người học đề xuất ý tưởng, kiểm chứng mức độ khả thi thông qua các hoạt động nhóm. Trong quá trình thực hiện dự án người học rèn luyện khả năng tự tìm tòi, năng lực suy nghĩ, phán đoán, khả năng diễn đạt, năng lực giao tiếp và khả năng lãnh đạo. Các dự án sáng tạo, đổi mới có tính ứng dụng cao trong thực tiễn, đóng góp vào các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc.
4.2	SKI1108	Project design 2	3	Học phần cung cấp quy trình thương mại hóa ý tưởng kinh doanh một cách logic, khoa học nhằm trang bị cho sinh viên tư duy trong đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Học phần tập trung phát triển các ý tưởng kinh doanh, áp dụng mô hình NABC (Needs – Approach – Benefits/ Costs – Competition) trong việc mô tả và diễn đạt tuyên ngôn giá trị của các ý tưởng kinh doanh. Dự án sáng tạo nhóm sẽ được liên tục gia tăng giá trị

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				thông qua quá trình cải tiến giá trị liên tục (Value Creation Forum: VCF) và được thể hiện qua Poster nhằm cung cấp cho khách hàng/ các bên liên quan bức tranh tổng quan nhất về dự án. Mỗi nhóm đóng vai trò như một mô hình của một tổ chức hoặc doanh nghiệp để hoàn thiện dự án thông qua các hoạt động: khảo sát, đánh giá, phân tích thị trường, công nghệ, khách hàng, kiểm nghiệm ý tưởng trước khi đưa ra thị trường nhằm góp phần đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (Sustainable Development Goals: SDGs).
4.3	ECO1113	Công dân toàn cầu		Học phần trình bày cho sinh viên những vấn đề cơ bản liên quan đến công dân toàn cầu. Sinh viên có thể áp dụng những kiến thức từ học phần để xây dựng lộ trình trở thành công dân toàn cầu và thực hiện các dự án vì cộng đồng. Học phần này có các nội dung chính: toàn cầu hóa, xã hội, chính trị, môi trường, kỷ nguyên số, xây dựng lộ trình để trở thành công dân toàn cầu.
4.4	JPN1163	Đặc nhân tâm phong cách Nhật Bản	3	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về cách cư xử, ứng xử và giao tiếp với mọi người để đạt được thành công trong cuộc sống của người Nhật. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học hiểu rõ bản thân, thành thật với chính mình, hiểu biết và quan tâm đến những người xung quanh để nhìn ra và khơi gợi những tiềm năng ẩn khuất, giúp phát triển bản thân lên một tầm cao mới.
4.5	JPN1108	Đất nước học Nhật Bản	3	Học phần cung cấp những thông tin chi tiết về nhiều khía cạnh của đất nước Nhật Bản, như địa lí, lịch sử, kinh tế, chính trị, xã hội, ngoại giao,... Ngoài ra, nội dung học phần còn đề cập đến nhiều vấn đề mang tính chất vĩ mô đất nước Nhật Bản: giao thông, thương mại, quốc phòng,... Thông qua học phần, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức về đất nước, con người Nhật Bản với những nét văn hóa, truyền thống độc đáo, góp phần tăng thêm sự hiểu biết quốc tế tốt hơn thông qua các mô tả chân thực, đầy quyền rũ của Nhật Bản.
4.6	CHI1122	Đất nước học Trung Quốc	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về đất nước và con người Trung Quốc, giúp sinh viên khái quát về những nét đặc trưng ở

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				các lĩnh vực của Trung Quốc. Nội dung học phần phong phú, các chủ đề đa dạng, bao gồm các lĩnh vực địa lý, lịch sử, dân số, chính trị, kinh tế, giáo dục, tư tưởng, tôn giáo, nghệ thuật Trung Quốc...
4.7	PSY1137	Giáo dục sức khỏe tinh thần	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và thái độ cơ bản nhất liên quan đến sức khỏe tinh thần như: Tổng quan sức khỏe tinh thần; Một số rối loạn tinh thần thường gặp; Định kiến và kỳ thị về sức khỏe tinh thần; Bối cảnh xã hội của rối loạn tinh thần; Sức khỏe tinh thần ở cộng đồng; Sức khỏe tinh thần ở sinh viên; Đa dạng tính dục; Chăm sóc sức khỏe tinh thần. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể chủ động trong việc nhận diện, phòng ngừa, chăm sóc sức khỏe tâm thần của bản thân và người khác.
4.8	ENC1121	Giao tiếp liên văn hóa	3	Học phần giúp sinh viên có cái nhìn đa chiều về sự việc, hiện tượng có liên quan đến văn hóa của một địa phương, vùng, toàn cầu, giúp sinh viên tôn trọng sự khác biệt, tôn trọng giá trị đạo đức riêng của mỗi dân tộc được tham chiếu từ chính những chuẩn mực văn hóa của riêng họ nhằm tăng năng lực giao tiếp liên văn hóa với người khác. Thông qua học phần, vấn đề toàn cầu hóa và giao thương quốc tế, những nguyên nhân gây đổ vỡ trong giao tiếp khác vùng miền, khác quốc gia nhìn dưới góc độ văn hóa sẽ được đưa ra bàn luận dưới nhiều góc nhìn khác nhau. Người học có thể hiểu được những khác biệt văn hóa, những giá trị văn hóa đối lập và những khác biệt trong giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trên thế giới.
4.9	BUS1115	Khởi nghiệp	3	Học phần được thiết kế dành cho hệ cơ bản về những nguyên tắc và kiến thức cốt lõi khi khởi nghiệp. Học xong học phần này, sinh viên có thể tự thiết kế, xây dựng và điều hành một công ty hoặc dự án nhỏ. Ngoài ra, học phần giúp người học hiện thực hóa được những ý tưởng kinh doanh để từ đó tạo dựng được một quy trình kinh doanh nhỏ bắt đầu từ ý tưởng sáng tạo.
4.10	LAW1195	Luật công bằng và tín thác	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên tắc công bằng (equity) và luật tín thác (trust), cung cấp kiến thức đầy đủ về các khái niệm, nguyên tắc và ứng dụng của công bằng và tín thác trong hệ thống pháp luật. Học phần tập

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				trung vào các nội dung sau: (i) Nghiên cứu về nguồn gốc và sự phát triển của công bằng và tín thác; (ii) Nghiên cứu về các loại hình tín thác, cách thức thành lập và quản lý tín thác; (iii) Nghiên cứu về quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan trong tín thác; (iv) Nghiên cứu về các biện pháp bảo vệ quyền lợi trong công bằng, bao gồm các biện pháp khắc phục công bằng và trách nhiệm ủy thác (fiduciary duties).
4.11	LAW1111	Luật thương mại	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động thương mại và dịch vụ, nắm bắt được những nội dung cơ bản về một số vấn đề pháp luật có liên quan đến thương nhân. Pháp luật về các hoạt động thương mại theo pháp luật Việt Nam, bao gồm những nội dung cơ bản sau: khái niệm về thương nhân và về các hoạt động thương mại; các hoạt động thương mại cụ thể; quyền và nghĩa vụ của các thương nhân trong hoạt động thương mại; các chế tài trong hoạt động thương mại.
4.12	LAW1116	Luật quốc tế	3	Học phần cung cấp những kiến thức sau: Nguồn gốc, khái niệm, đặc trưng, cấu trúc, quy phạm và bản chất của luật quốc tế; Phân biệt luật quốc tế và luật quốc gia; Mối quan hệ biện chứng giữa luật quốc tế với luật quốc gia; Các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế; Hệ thống và đặc điểm của nguồn luật quốc tế; Những nội dung cơ bản về dân cư, lãnh thổ- biên giới quốc gia; Những nội dung cơ bản về luật biển quốc tế, luật ngoại giao- lãnh sự.
4.13	GPD1135	Nghệ thuật học cơ bản	3	Học phần nhằm truyền cảm hứng, mong muốn thưởng thức, cảm thụ nghệ thuật cho sinh viên. Phát triển sự hiểu biết cơ bản về 7 loại hình nghệ thuật: Kiến trúc, Hội họa, Điêu khắc, Âm nhạc, Văn học, Sân khấu, Điện ảnh. Những kiến thức này giúp gia tăng trí tuệ cảm xúc, góp phần tạo ra một đời sống cân bằng cho sinh viên trong quá trình hoạt động nghề nghiệp. Qua học phần, sinh viên sẽ có một đời sống tinh thần phong phú, phát triển thêm những kỹ năng mềm giúp ích cho nghề nghiệp sau này.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
4.14	HRM1111	Nghệ thuật lãnh đạo	3	Học phần giới thiệu sự tương quan giữa quản lý và lãnh đạo. Những yêu cầu và phẩm chất cần thiết để trở thành nhà lãnh đạo nhóm, lãnh đạo tổ chức. Các phong cách lãnh đạo: phong cách dân chủ, phong cách độc đoán, phong cách tự do. Nhấn mạnh tính nghệ thuật trong lãnh đạo với những đặc trưng như: tính sáng tạo-độc đáo, tính linh hoạt, tính tổng hợp, tính hiệu quả thực tế, tính khoa học và các nội dung cơ bản của nghệ thuật lãnh đạo như: nghệ thuật điều hành, nghệ thuật giao tiếp, nghệ thuật động viên-khích lệ, nghệ thuật sử dụng quyền lực, nghệ thuật dùng người, nghệ thuật tùy cơ ứng biến... Học phần cũng đề cập đến vai trò, trách nhiệm của người lãnh đạo nhóm: trách nhiệm đối với cá nhân, trách nhiệm đối với công việc, trách nhiệm đối với nhóm và thể hiện vai trò lãnh đạo nhóm. Phân biệt quyền hạn và quyền lực, nghệ thuật giao quyền và ủy quyền công việc hiệu quả. Giới thiệu nghệ thuật phát hiện, lựa chọn và sử dụng nhân tài; một nhiệm vụ rất quan trọng đối với người làm công tác quản lý.
4.15	HMM1137	Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân chuyên nghiệp	3	Học phần trang bị những kiến thức và kỹ năng liên quan đến phong cách, trang phục, hình thể. Bên cạnh đó, học phần còn giúp người học phát triển được những kỹ năng liên quan đến xây dựng hình ảnh cá nhân, lựa chọn trang phục, giao tiếp với đồng nghiệp và khách hàng, nói chuyện qua điện thoại, ngôn ngữ biểu cảm, kiểm soát cảm xúc, kỹ năng đi đứng nhẹ nhàng....nhằm tạo dựng cho từng cá nhân hình ảnh chuyên nghiệp và tạo ấn tượng nơi làm việc, góp phần nâng cao hiệu quả công việc và tăng sự hài lòng cho đồng nghiệp, đối tác và khách hàng. Từ đó, đáp ứng được yêu cầu cơ bản đối với những nhân sự làm việc trong ngành dịch vụ.
4.16	IRE1130	Nghịệp vụ ngoại giao	3	Học phần cung cấp cho sinh viên một số công tác của nghiệp vụ ngoại giao như công tác lễ tân ngoại giao, công tác lãnh sự, công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại, công tác tiếp xúc, đàm phán ngoại giao, công tác nghiên cứu ngoại giao; Người học sẽ được trang bị các kiến thức lý thuyết và thực tiễn về hoạt động lễ tân ngoại giao của các quốc gia cũng như của Việt Nam. Môn

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				học gồm 4 nhóm vấn đề chính: (1) Khái quát về lễ tân ngoại giao; (2) Ngôi thứ và cách sắp xếp vị trí trong lễ tân ngoại giao; (3) Nghi thức ngoại giao; (4) Tiệc ngoại giao và cách tổ chức.
4.17	DAS1125	Nhập môn chuyển đổi số	3	Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng về xu hướng chuyển đổi số trên thế giới và Việt Nam, định nghĩa và khái niệm chuyển đổi số cho doanh nghiệp, lộ trình chuyển đổi số cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các công cụ đánh giá mức độ sẵn sàng trong chuyển đổi số của doanh nghiệp vừa và nhỏ, và các giải pháp công nghệ theo lộ trình chuyển đổi số.
4.18	IRE1108	Những vấn đề toàn cầu	3	Học phần cung cấp bức tranh toàn cảnh về các vấn đề toàn cầu hiện nay trên thế giới. Học phần đi sâu giới thiệu về những vấn đề toàn cầu nổi bật hiện nay trên thế giới cũng như đối với Việt Nam như vũ khí hủy diệt hàng loạt, môi trường, dân số, tội phạm quốc tế, năng lượng, đói nghèo,... Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về các vấn đề toàn cầu từ khái niệm, phân loại, quá trình hình thành và phát triển, thực trạng hiện nay, tình hình và các phương thức hợp tác quốc tế, thuận lợi và khó khăn trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu. Môn học cũng giới thiệu cơ sở lý luận về vấn đề toàn cầu như khái niệm và phân loại, nền tảng quy định tính toàn cầu của vấn đề, các lý thuyết và quan niệm khác nhau trong từng vấn đề toàn cầu. Qua đó, môn học góp phần trang bị cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế, giúp sinh viên có khả năng phân tích các hiện tượng và vấn đề khác nhau trong thực tiễn quan hệ quốc tế.
4.19	DAS1124	Phân tích dữ liệu ứng dụng	3	Học phần giới thiệu các kỹ thuật và tư duy phân tích dữ liệu cơ bản qua các ứng dụng cụ thể. Cụ thể học phần sẽ trình bày về các phương pháp phân tích dữ liệu sử dụng Excel và áp dụng trong các lĩnh vực cụ thể như kinh tế-kinh doanh, tài chính, marketing, bất động sản, ... Qua đó sẽ khai phá được những thông tin hữu ích của dữ liệu, mang đến nhiều lợi ích cho tổ chức, doanh nghiệp.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
4.20	LAW1107	Pháp luật về doanh nghiệp	3	Học phần Pháp luật doanh nghiệp là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về doanh nghiệp và những quy định pháp luật về doanh nghiệp; cung cấp cho sinh viên kiến thức đầy đủ về mô hình doanh nghiệp, thủ tục thành lập doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức quản lý doanh nghiệp, tổ chức lại doanh nghiệp, giải thể và phá sản doanh nghiệp. Theo đó, học phần tập trung vào những nội dung cơ bản sau: • Nghiên cứu về điều kiện thành lập, tổ chức, quản lý và tài chính của các chủ thể kinh doanh. • Nghiên cứu về dấu hiệu phá sản doanh nghiệp; Giải quyết phá sản doanh nghiệp, theo quy định của pháp luật. Nghiên cứu về giải thể, các cách thức tổ chức lại doanh nghiệp.
4.21	IRE1151	Phát triển bền vững	3	Học phần Phát triển bền vững ngày càng quan trọng, phản ánh sự nhận thức ngày càng tăng về nhu cầu tiếp cận phát triển toàn diện và bền vững. Học phần này có tính liên ngành cao, trang bị cho sinh viên kiến thức và hiểu biết về các nguyên tắc, thách thức và giải pháp tiềm năng của phát triển bền vững, được tích hợp phù hợp với nhiều chuyên ngành khác nhau. Học phần giới thiệu các khái niệm cốt lõi như sự kết nối của các hệ thống xã hội, kinh tế và môi trường, tầm quan trọng của quản lý tài nguyên cùng nguyên tắc công bằng giữa các thế hệ. Học phần nhấn mạnh các ứng dụng thực tiễn thông qua các nghiên cứu điển hình, dự án và sự tham gia của cộng đồng, cho phép sinh viên áp dụng kiến thức vào các vấn đề thực tế. Sinh viên được khuyến khích phân tích phản biện các vấn đề phức tạp, đánh giá các quan điểm khác nhau và phát triển các giải pháp sáng tạo cho phát triển bền vững. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ có nhận thức sâu sắc về tính cấp thiết của phát triển bền vững, thể hiện trách nhiệm xã hội rõ ràng, nhận diện hiệu quả các vấn đề thực tiễn và chủ động hành động một cách có ý thức.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
4.22	FIN1152	Quản lý tài chính cá nhân	3	Trong trong bối cảnh cuộc sống thay đổi nhanh chóng như hiện nay, con người ngày càng thường xuyên phải đối mặt với những biến động diễn ra ngoài dự kiến như: nền kinh tế suy thoái, phá sản, thất nghiệp, tử vong đột ngột...làm những mục tiêu tương lai có nguy cơ khó thành hiện thực. Quản lý tài chính tài chính trở nên một công việc vô cùng cần thiết, giúp cá nhân có sự chuẩn bị vững chắc trong tương lai và đem lại sự cân bằng ổn định trong cuộc sống. Quản lý tài chính giúp cá nhân xây dựng định hướng trong những lĩnh vực quan trọng: từ lựa chọn nghề nghiệp, lập kế hoạch ngân sách, danh mục đầu tư tài chính cá nhân đến lập kế hoạch cho tuổi già, tuổi nghỉ hưu...Một tình hình tài chính lành mạnh sẽ giúp cá nhân chủ động trong những quyết định, đạt được những mục tiêu đã đề ra, và được bảo vệ an toàn hơn trước những biến cố. Học phần này nghiên cứu những khái niệm, nguyên tắc, công cụ và phương pháp vận dụng kiến thức quản lý tài chính cá nhân trong một số lĩnh vực chính của cuộc sống nhằm xây dựng nền tảng tài chính vững chắc trong tương lai. Nội dung cốt lõi của học phần này bao gồm 3 phần: (1) lên kế hoạch tài chính cá nhân; (2) quản lý tài sản cá nhân, tín dụng, bảo hiểm, đầu tư; và (3) là hoạch định cho tuổi già, tuổi hưu trí và di sản.
4.23	PSY1103	Tâm lý giao tiếp	3	Học phần cung cấp những kiến thức căn bản, nền tảng về tâm lý học; Nhận diện các hiện tượng tâm lý người; hiểu biết về sự đa dạng phong phú trong đời sống tâm lý con người; Nắm vững các quy luật hình thành hiện tượng tâm lý người; Nhận thức các yếu tố khách quan và chủ quan quy định nên tâm lý người; Cung cấp những kiến thức lí luận về giao tiếp và ứng xử (khái niệm, đặc điểm, chức năng, vai trò và những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng đến giao tiếp- ứng xử); Cấu trúc của hành vi giao tiếp, những hình thức và phương tiện giao tiếp - ứng xử; Bản chất của giao tiếp; Kỹ năng và hiệu quả trong giao tiếp ứng xử.
4.24	ADS1101	Thuyết trình sáng tạo	3	Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết và thực hành các kỹ thuật trình bày vấn đề, thể hiện ý tưởng, thuyết phục người nghe, nhằm giúp người học làm chủ quá trình trình bày các ý tưởng quảng

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				cáo, các giải pháp và kế hoạch, chiến lược quảng cáo, thuyết phục khách hàng. Học phần bao gồm các phần từ xác định mục tiêu, sáng tạo ý tưởng, chuẩn bị nội dung, chuẩn bị phương tiện, kỹ thuật trình bày và các công nghệ hỗ trợ. Học phần nhấn mạnh đến sự kết hợp giữa tính sáng tạo, độc đáo trong ý tưởng quảng cáo và tính sáng tạo, hiệu quả trong phương thức trình bày, thuyết phục; nhằm tạo ra những phần trình bày ấn tượng, hỗ trợ tích cực cho các hoạt động thương mại: chào bán sản phẩm, trình bày, đàm phán thương lượng... trong lĩnh vực quảng cáo.
4.25	DMK1114	Tư duy thẩm mỹ	3	Học phần giúp người học bồi dưỡng năng lực tư duy thẩm mỹ, không chỉ trong phạm vi nghệ thuật, mà còn là ở tất cả các lĩnh vực khác trong đời sống. Người học sẽ được tiếp cận và nắm bắt được khái niệm về giá trị thẩm mỹ từ các hoạt động vui chơi giải trí đến hoạt động lễ hội, văn hoá, thể thao, hay ngay cả hoạt động lao động sản xuất, giáo dục, y tế, quân sự,... Môn học còn trang bị cho người học kiến thức mỹ học trong đa dạng ngành nghề và tạo điều kiện để người học phát triển tư duy thẩm mỹ của bản thân trong tương lai.
4.26	TOU1145	Văn hóa bàn tiệc và lễ tân khách sạn	3	Học phần được thiết kế để giúp sinh viên nâng cao kỹ năng và kiến thức về văn hóa bàn tiệc và lễ tân khách sạn. Sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản đến nâng cao về ứng xử tại bàn tiệc, cách sử dụng các dụng cụ ăn uống một cách lịch sự và chuyên nghiệp, cũng như các kỹ năng giao tiếp và ngoại giao trong môi trường xã hội và kinh doanh. Học phần còn giúp sinh viên hiểu rõ hơn về các chuẩn mực văn hóa khác nhau liên quan đến ăn uống và giao tiếp trên bàn tiệc, qua đó hỗ trợ sinh viên phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực tổ chức sự kiện, quản lý nhà hàng, và các ngành nghề liên quan đến dịch vụ khách hàng. Khóa học này hỗ trợ cho các học phần khác trong chương trình đào tạo về quản lý khách sạn và du lịch, cung cấp một nền tảng vững chắc cho những ai xem ngành dịch vụ là nghề nghiệp tương lai.
4.27	SOS1108	Văn hoá các nước Đông Nam Á	3	Học phần giới thiệu một cách hệ thống những thông tin cơ bản về diện tích, dân số, đặc điểm lịch sử, cộng đồng dân cư và văn hóa, tình hình phát triển kinh tế - xã hội; tìm hiểu các phong tục

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				tập quán và danh lam thắng cảnh, địa điểm du lịch nổi tiếng cũng như bản sắc tộc người và hiện trạng khai thác tiềm năng phát triển du lịch của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. So sánh những nét tương đồng và khác biệt giữa văn hóa khu vực và văn hóa bản địa Việt Nam; đánh giá khả năng hợp tác, phát triển của ngành du lịch ASEAN, hướng đến việc hiện thực hóa Cộng đồng văn hóa - xã hội ASEAN.
4.28	KOR1147	Văn hóa truyền thống Hàn Quốc	3	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về văn hóa truyền thống của Hàn Quốc bao gồm văn hóa ứng xử của người Hàn đối với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội như: khái quát về Hàn Quốc (đất nước, con người), lịch sử văn hóa Hàn Quốc, đời sống văn hóa người Hàn. Kiến thức của học phần cung cấp để sinh viên có thể hiểu được văn hóa truyền thống của người Hàn, có thể phân tích, so sánh đặc điểm văn hóa với các nước phương Đông; tìm hiểu điểm giống và khác giữa văn hóa truyền thống Hàn Quốc và Việt Nam để sinh viên gìn giữ bản sắc văn hóa Việt và có ứng xử phù hợp trong các hoạt động giao lưu quốc tế giữa hai nước.
4.29	IRE1138	Văn minh nhân loại	3	Học phần Văn minh nhân loại được thiết kế để đạt được một số mục tiêu: 1) giúp sinh viên làm quen với các thông tin cơ bản về địa lý, lịch sử và văn hóa mà mọi người cần biết để trở thành một công dân toàn cầu hiểu biết của thế giới, 2) tạo nền tảng cho các khóa học sau này trong nhiều lĩnh vực trong đó giả định những kiến thức tổng quát như vậy, 3) minh họa sự đa dạng phong phú mà loài người đã tìm thấy để sống trong các nền văn minh và 4) kích thích sự tò mò của bạn để tìm hiểu thêm. Xin lưu ý rằng đây không phải là một khóa học lịch sử truyền thống. Điều này có nghĩa là các nội dung học phần về văn học, kiến trúc, nghệ thuật và âm nhạc không chỉ đơn thuần là bổ sung, mà là một phần cốt lõi của khóa học. Chúng tôi sẽ nhấn mạnh các chủ đề và khuôn mẫu văn hóa hơn là các sự kiện và trình tự thời gian. Bạn sẽ được yêu cầu ghi nhớ rất ít ngày tháng; nhưng bạn sẽ phải theo dõi và so sánh các khái niệm giữa các nền văn minh khác nhau.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
5. Thực tập thực tế				
5.1	IEC1301	Thực tập tốt nghiệp	3	Học phần giúp sinh viên làm quen với môi trường tổ chức và hoạt động thực tế tại doanh nghiệp và các tổ chức. Sinh viên có thể vận dụng các kiến thức chuyên môn và các kỹ năng đã được học tập và rèn luyện vào các công việc thực tế của doanh nghiệp và các tổ chức liên quan đến lĩnh vực kinh tế số. Sinh viên có thể phân tích các quy trình công việc liên quan đến lĩnh vực kinh tế số, chuyển đổi số và đề xuất các giải pháp hoàn thiện quy trình công việc chuyên môn
5.2	IEC1402	Chuyên đề tốt nghiệp	6	Học phần giúp sinh viên làm quen với việc triển khai một nghiên cứu khoa học từ bước lược khảo cơ sở lý thuyết, xác định vấn đề nghiên cứu, xây dựng giả thuyết nghiên cứu, khung phân tích, thu thập số liệu, xử lý phân tích, trình bày và biện luận kết quả nghiên cứu về các vấn đề liên quan trong lĩnh vực kinh tế số, chuyển đổi số tại các doanh nghiệp và tổ chức
5.3	IEC1403	Khóa luận tốt nghiệp	6	Học phần giúp sinh viên làm quen với việc triển khai một nghiên cứu khoa học từ bước lược khảo cơ sở lý thuyết, xác định vấn đề nghiên cứu, xây dựng giả thuyết nghiên cứu, khung phân tích, thu thập số liệu, xử lý phân tích, trình bày và biện luận kết quả nghiên cứu về các vấn đề liên quan trong lĩnh vực kinh tế số, chuyển đổi số tại các doanh nghiệp và tổ chức. Sinh viên phân tích tổng hợp các cơ sở lý thuyết liên quan, thông tin và dữ liệu phục vụ cho quá trình nghiên cứu và trình bày đề tài nghiên cứu theo chuẩn mực báo cáo khoa học và thuyết trình đề tài nghiên cứu.
6. Kiến thức không tích lũy				
6.1. Giáo dục thể chất				Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, các kỹ thuật, phương pháp tập luyện nhằm rèn luyện và nâng cao sức khỏe, thẩm mỹ. Người học có thể chọn các học phần yêu thích để tập luyện phù hợp với thể lực của bản thân như: Thể hình thẩm mỹ (GYM), Aerobic, Boxing, Vovinam, DanceSport.
6.2. Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết)				Học phần trang bị cho người học hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thực hiện kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng. Môn học được phân thành 04 phần: phần 1- Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, phần 2- Công tác quốc phòng an ninh, phần 3- Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn, phần 4- Hiểu biết chung về quân, binh chủng.

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO:

1. Chương trình đào tạo được tổ chức thực hiện theo kế hoạch giảng dạy và học tập từng năm học của Trường.

2. Một số học phần đặc biệt, thể hiện bản sắc riêng của UEF, được tổ chức đào tạo theo định hướng sau:

- Đào tạo các học phần tiếng Anh: Các học phần ngoại ngữ Tiếng Anh 1 đến Tiếng Anh 6 được bố trí ở các học kỳ đầu (HK1, HK2, HK3). Từ HK4 trở đi, bố trí các học phần chuyên môn bằng tiếng Anh (có 12 học phần chuyên môn được giảng dạy bằng tiếng Anh) nhằm giúp người học sau tốt nghiệp có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh trong quá trình thực hiện các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.

- Đào tạo kỹ năng: Học phần Project Design 1 được giảng dạy ở năm thứ nhất, Project Design 2 được giảng dạy ở năm thứ hai, hình thành cho người học phương pháp, kỹ năng làm việc nhóm, tư duy, phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua một dự án. Trên cơ sở đó giúp người học phát triển các kỹ năng qua các học phần chuyên môn ở các học kỳ năm học tiếp theo; đồng thời giúp phát triển tối đa năng lực tự học, tự nghiên cứu, giải quyết vấn đề thực tế của người học, nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội thông qua các chủ đề xoay quanh các Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs), thúc đẩy năng lực học tập suốt đời.

- Đào tạo chuyên môn định hướng nghề nghiệp: Từ HK1 năm thứ nhất, người học được tiếp cận các học phần nhập môn, học phần cơ sở ngành và được tiếp cận với các lĩnh vực nghề nghiệp chuyên môn thông qua các hoạt động tham quan, kiến tập, hội thảo chuyên đề... Ở học kỳ cuối sinh viên phải tham gia thực tập tốt nghiệp bắt buộc (toàn thời gian tại đơn vị thực tập, tối thiểu 12 tuần) và chọn thực hiện khóa luận tốt nghiệp, hoặc chuyên đề tốt nghiệp, hoặc học thay thế bằng 2 học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

3. Các học phần trong chương trình đào tạo được phân định quản lý theo chuyên môn cho các đơn vị khoa/ viện/ trung tâm (gọi chung là đơn vị quản lý học phần) theo Quy định về phân định quản lý sinh viên và học phần hiện hành của Trường

4. Việc thiết kế các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá, phân tích kết quả học tập của người học được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Trường về việc lựa chọn phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ đại học.

5. Các học phần được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất được Hiệu trưởng ban hành.

6. Việc tổ chức giảng dạy và học tập, kiểm tra, đánh giá học phần, xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp chương trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học, Quy định tổ chức thi kết thúc học phần và các quy chế, quy định có liên quan khác của Trường.

7. Đơn vị quản lý chương trình đào tạo phải lập kế hoạch và thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo quy định của Trường. Đơn vị quản lý học phần phải lập kế hoạch và thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của học phần theo quy định của Trường.

8. Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định tại Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo, ban hành theo Quyết định số 714/QĐ-UEF ngày 01 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật mỗi 02 năm một lần; kết quả rà soát, đánh giá được đơn vị quản lý chương trình áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

10. Trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo, nếu phát sinh yêu cầu cần thiết phải điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo, đơn vị quản lý chương trình đào tạo phải làm tờ trình nêu rõ căn cứ/ lý do của việc điều chỉnh, phạm vi áp dụng, thời điểm bắt đầu áp dụng, nội dung đề nghị điều chỉnh và dự kiến tác động của việc điều chỉnh chương trình đào tạo; kèm theo biên bản họp Hội đồng khoa và các minh chứng cần thiết khác. Việc đề xuất điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo không được làm ảnh hưởng đến kế hoạch đào tạo của học kỳ hiện tại. Phòng Đào tạo tiếp nhận tờ trình từ đơn vị quản lý chương trình đào tạo, rà soát và có ý kiến, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

11. Khi có thay đổi về giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo hoặc theo yêu cầu điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần phải được rà soát và cập nhật. Đơn vị quản lý học phần phối hợp với đơn vị quản lý chương trình đào tạo tổ chức việc rà soát, cập nhật, ghi rõ thời điểm áp dụng đề cương chi tiết mới cập nhật. Đề cương chi tiết sau khi hoàn tất cập nhật được gửi cho Phòng Đào tạo rà soát, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

12. Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo./.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Giang